

Số: 1011/QĐ-UBND

An Giang, ngày 10 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục dự án kêu gọi đầu tư
vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2015-2020 theo
Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 233/TTr-SKHĐT ngày 03 tháng 6 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2015-2020 theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ (*đính kèm danh mục các dự án*).

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện kêu gọi đầu tư theo đúng nội dung Điều 1 của Quyết định này và tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT TU, UBND, HĐND tỉnh;
- Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH, KT.

CHỦ TỊCH

Vương Bình Thạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DANH MỤC

DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2015-2020

(Ban hành kèm Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao						1.356.000	1.351.000	5.000	-		
1	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	200 ha	Vĩnh Bình, huyện Châu Thành	200	200	Quy hoạch ngành	1.356.000	1.351.000	5.000	-	Công ty TNHH Hoàn Cầu	
II	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung						232.000	220.000	12.000	-		
2	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	200 con gia súc, 2.000gia cầm/dêm	Khóm Châu Long 8, Châu Phú B, TP. Châu Đốc	3,0		Quy hoạch ngành	22.000	20.000	2.000		Công ty cơ khí máy chế tạo máy tự động hóa Việt Cường	Châu Đốc

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Nhà máy giết mổ gia súc tập trung	500 con/ngày	xã Lương An Trà - H. Tri Tôn	15,0	15,0	Quy hoạch ngành	150.000	148.000	2.000		Công ty Cổ phần Nông Trại Xanh	
4	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Công suất 200 con gia súc và 2.000 con gia cầm/ngày đêm	Thị trấn Nhà Bàn, huyện Tịnh Biên	0,7		Quy hoạch ngành	15.000	13.000	2.000			Sở NN & PTNT
5	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Công suất 200 con gia súc và 2.000 con gia cầm/ngày đêm	TT Núi Sập, TT Óc Eo, Xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn	4,5	4,5	Quy hoạch ngành	45.000	39.000	6.000			Sở NN & PTNT (3 cơ sở)
III	Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm						150.000	123.000	27.000	1.000		

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	Trang trại chăn nuôi bò cao sản Phong Tín Hậu	500 con bò cao sản	Xã Tà Đánh, huyện Tri Tôn	14,0	14,0		48.000	45.000	3.000	-	DNTN Trang trại nuôi Phong Tín Hậu	
7	Trang trại chăn nuôi bò Dương Vinh	500 con	Xã Tân Lập, huyện Tĩnh Biên	9,1	9,1		15.000	12.000	3.000		Công ty TNHH Trang trại Dương Vinh	
8	Dự án chăn nuôi heo thịt	1.000 con	Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên	0,7		Quy hoạch ngành	5.000	2.000	3.000	-	DNTN chăn nuôi heo Thịt Thu Ba	Sở NN & PTNT
9	Dự án phát triển chăn nuôi heo ứng dụng công nghệ cao	1.000 con/ trang trại	Châu Thành	2,0	2,0		15.000	12.000	3.000	-		Sở NN & PTNT
10	Dự án phát triển chăn nuôi heo ứng dụng công nghệ cao	1.000 con/ trang trại	Phú Tân	2,0	2,0		15.000	12.000	3.000	-		Sở NN & PTNT
11	Dự án phát triển chăn nuôi heo ứng dụng công nghệ cao	1.000 con/ trang trại	xã Thoại Giang, Vĩnh	2,0	2,0		45.000	36.000	9.000	-		Sở NN & PTNT

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
			Khánh, Vĩnh Trạch, H. Thoại Sơn									(3 cơ sở)
12	Dự án phát triển chăn nuôi heo ứng dụng công nghệ cao	1.000 con/ trang trại	Xã Mỹ Khánh, TP.Long Xuyên	0,51	0,35		8.000	4.000	3.000	1.000		Sở NN & PTNT
IV	Cơ sở sấy lúa ngô, khoai, sấy phụ phẩm thủy sản						5.500	1.100	2.000	2.400		
13	Đầu tư dây chuyền máy sấy lúa	300 tấn/ngày, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của 6.000ha	xã Lương An Trà - H. Tri Tôn	1,0	1,0	Quy hoạch ngành	5.500	1.100	2.000	2.400	Công ty TNHH MTV lương thực thành phố HCM	Sở NN & PTNT
V	Cơ sở chế tạo, bảo quản, chế biến nông lâm, thủy sản						3.940.461	3.770.461	170.000	-		

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	Dự án Nhà máy chế biến bảo quản nông sản gắn với cánh đồng lớn (ưu tiên gắn với Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012)	300 tấn/ngày, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của 4.000ha	Chợ Mới	10,0	10,0	Quy hoạch ngành	405.000	400.000	5.000			
15	Dự án Nhà máy chế biến bảo quản nông sản gắn với cánh đồng lớn (ưu tiên gắn với Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012)	300 tấn/ngày, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của 3.000ha	Châu Phú	10,0	10,0	Quy hoạch ngành	355.000	350.000	5.000			
16	Dự án nhà máy chế biến bảo quản nông sản gắn với cánh đồng lớn (ưu tiên gắn với HTX hoạt động theo Luật Hợp	300 tấn/ngày, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của	Thoại Sơn	10,0	10,0		405.000	400.000	5.000			

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	tác xã năm 2012)	5.000ha										
17	Dự án Nhà máy chế biến bảo quản nông sản gắn với cánh đồng lớn (ưu tiên gắn với Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012)	300 tấn/ngày, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của 3.000ha	Phú Tân	10,0	10,0		355.000	350.000	5.000			
18	Dự án Nhà máy chế biến bảo quản nông sản gắn với cánh đồng lớn (ưu tiên gắn với Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012)	300 tấn/ngày, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của 1.000ha	Tri Tôn	10,0	10,0		155.000	150.000	5.000			

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
19	Dự án Nhà máy chế biến bảo quản nông sản gắn với cánh đồng lớn (ưu tiên gắn với Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012)	300 tấn/ngày, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của 1.000ha	Tỉnh Biên	10,0	10,0		155.000	150.000	5.000			
20	Dự án Nhà máy chế biến bảo quản nông sản gắn với cánh đồng lớn (ưu tiên gắn với Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012)	300 tấn/ngày, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của 3.000ha	TX. Tân Châu	10,0	10,0		305.000	300.000	5.000			
21	Nhà máy chế biến lúa gạo An Hòa	200 tấn/ngày, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của	xã An Hòa - H. Châu Thành	1,0			27.700	22.700	5.000	-	Công ty CP lương thực Nam Trung Bộ	Sở NN & PTNT

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
		6.000ha										
22	Nhà máy chế biến gạo, kho chứa phục vụ nguyên cánh đồng lớn	10 ha	Xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành	10,0	10,0	Quy hoạch ngành	205.000	200.000	5.000	-		Sở CT
23	Nhà máy chế biến nông sản (Cụm CN- TTCN Tân Trung giai đoạn 2)		Xã Tân Trung, huyện Phú Tân	26,4		Quy hoạch ngành	77.761	72.761	5.000	-		Sở CT
24	Nhà máy chế biến nông sản	33.000 tấn/năm	TT An Phú, huyện An Phú	4,5		Quy hoạch ngành	20.000	15.000	5.000	-		Sở CT

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
25	Nhà máy chế biến sản phẩm thịt bò	2 ha	Chợ Mới	2,0	2,0	Quy hoạch KT-XH địa phương	30.000	25.000	5.000			Chợ Mới
26	Nhà máy sơ chế cây ăn trái	1 ha	Chợ Mới	1,0	1,0	Quy hoạch KT-XH địa phương	20.000	15.000	5.000			Chợ Mới
27	Nhà máy sơ chế sản phẩm rau màu	2 ha	Chợ Mới	2,0	2,0	Quy hoạch KT-XH địa phương	20.000	15.000	5.000			Chợ Mới

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
28	Cơ sở chế biến khô cá lóc	01 ha	Châu Thành	1,0	1,0	Quy hoạch KT-XH địa phương	15.000	10.000	5.000			Sở CT
29	Nhà máy chế biến nông sản		Cụm công nghiệp Long An	1,5	1,5	Quy hoạch ngành	30.000	25.000	5.000	-		Tân Châu
30	Đầu tư phát triển dược liệu, sơ chế và chế biến sản phẩm chiết suất từ dược liệu, hướng tới xuất khẩu một số nguyên liệu và thuốc từ dược liệu	01 ha	Tri Tôn, Tỉnh Biên	2,0			40.000	30.000	10.000			Sở NN & PTNT (2 cơ sở)
31	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản	3 ha	KCN Bình Hòa	3,0			55.000	50.000	5.000			

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
32	Nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm	3 ha	KCN Bình Hòa	3,0			50.000	45.000	5.000			
33	Nhà máy chế biến thịt hộp	5.000 tấn/năm	KCN Bình Hòa	2,0			35.000	30.000	5.000			
34	06 Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản	5.000 tấn/năm	Các KCN trên địa bàn tỉnh	4,0			330.000	300.000	30.000			
35	Nhà máy sản xuất tinh bột, bột dinh dưỡng	5.000 tấn/năm	KCN Bình Hòa	3,0			55.000	50.000	5.000			
36	Kho si lô bảo quản nông sản	100.000 tấn SP/năm	Các KCN trên địa bàn tỉnh	10,0	10,0		205.000	200.000	5.000			
37	Nhà máy sản xuất bao bì (sử dụng thiết bị, công nghệ hiện đại)	100.000 thùng carton và 1.000 tấn bao bì PE,PP/năm	KCN Bình Hòa	3,0			135.000	130.000	5.000			

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
38	Nhà máy sản xuất gỗ ghép	20.000 m ³ /năm	Tri Tôn	5,0	5,0		80.000	75.000	5.000			
39	Nhà máy sản xuất máy cày, máy kéo nhỏ đa chức năng	2.000 máy/năm	KCN Bình Hòa	5,0			195.000	190.000	5.000			
40	Nhà máy chế biến nấm rơm	8-10 ngàn tấn/năm	Chợ Mới	2,0	2,0		25.000	20.000	5.000			
VI	Các Danh mục dự án thuộc các lĩnh vực khác						132.997	132.997	-	-		
41	Chợ lúa gạo Châu Thành	5 ha	Châu Thành	5,0	5,0		30.000	30.000				
42	Chợ rau quả Mỹ An	01 ha	Chợ Mới	1,0	1,0		15.000	15.000				
43	Chợ đầu mối nông sản, thủy sản	2,5 ha	Xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn	2,5	2,5		18.000	18.000				

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
44	Chợ đầu mối rau quả An Phú	4 ha	An Phú	4	4		45.000	45.000				
45	Dự án Mở rộng và nâng công suất hệ thống cấp nước thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	10.000 m3/ngđ	Chợ Mới				7.142	7.142				
46	Dự án Mở rộng và nâng công suất hệ thống cấp nước thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	5.000 m3/ngđ	Tịnh Biên				3.571	3.571				
47	Dự án Mở rộng và nâng công suất hệ thống cấp nước thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	5.000 m3/ngđ	Thoại Sơn				3.571	3.571				

Stt	Tên dự án	Quy mô/ Công suất	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu sử dụng đất		Sự phù hợp quy hoạch	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tr.đồng)	Nguồn vốn đầu tư (dự kiến)			Tên doanh nghiệp đăng ký đầu tư	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trong đó: Đất lúa			Vốn doanh nghiệp	Vốn hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
48	Dự án Mở rộng và nâng công suất hệ thống cấp nước thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang	10.000 m ³ /ngđ	Phú Tân				7.142	7.142				
49	Dự án Mở rộng và nâng công suất hệ thống cấp nước thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	5.000 m ³ /ngđ	Tri Tôn				3.571	3.571				
	Tổng cộng						5.817.958	5.598.558	261.000	3.400		